

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày 20 / 1 / 2017
Số: 141

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6181/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

- P.KHTH: phổ biến

6/2 Vương

QUYẾT ĐỊNH

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày 20 / 01 / 2017

**Ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai
Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát
triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của
Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

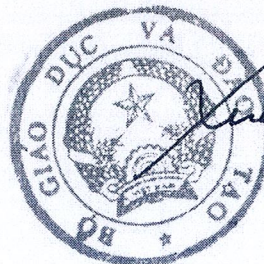
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ Quốc hội;
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ GDĐT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Các sở giáo dục và đào tạo (để thực hiện);
- Các đại học, học viện, trường đại học (để thực hiện);
- Các cơ sở đào tạo giáo viên (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VP.

BỘ TRƯỞNG



Phùng Xuân Nhạ

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC

Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Quán triệt và chỉ đạo toàn ngành Giáo dục tập trung tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

2. Xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của ngành Giáo dục để triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021.

3. Làm căn cứ để các cơ quan quản lý giáo dục các cấp từ Trung ương đến địa phương xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-CP, Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 và Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục và đào tạo

a) Xây dựng bộ máy tổ chức tinh gọn, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy, vị trí việc làm phù hợp; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao; đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử

dụng, bổ nhiệm, đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đủ năng lực, phẩm chất và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, viên chức trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của đơn vị. Thực hiện tốt công tác tư tưởng, chính trị nội bộ trong đơn vị.

b) Tham mưu đề Chính phủ trình Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội Luật giáo dục đại học (sửa đổi), Luật giáo dục (sửa đổi), Luật nhà giáo; trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục và hoàn chỉnh phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, gắn kết giữa công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện nghiêm túc cơ chế giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

c) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức đảm bảo hiệu quả theo Nghị quyết của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện nghiêm túc Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2016 - 2020; rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết các thủ tục hành chính công.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai nhiệm vụ, hoàn thành các mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử.

đ) Xây dựng và ban hành cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật. Chỉ đạo Thanh tra giáo dục các cấp đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành ở các cấp học và trình độ đào tạo; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động giáo dục; tập trung xử lý dứt điểm những khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài và giải quyết các hiện tượng tiêu cực gây bức xúc xã hội.

e) Tăng cường quản lý chất lượng chăm sóc, giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; quản lý chặt chẽ chất lượng đầu ra của các cơ sở giáo dục đại học, các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài nhằm bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực và nguồn nhân lực

chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động của địa phương, các thành phần kinh tế và nhu cầu xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

g) Chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục và đào tạo đổi mới hình thức thi đua, khen thưởng bảo đảm công khai, minh bạch với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể theo hướng gắn với hiệu quả công việc, bám sát nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị, của ngành, kịp thời động viên, tạo động lực tích cực cho nhà giáo, có sức lan tỏa trong toàn ngành; tổ chức phong trào thi đua với các tiêu chí thiết thực bảo đảm khả thi; có lộ trình thực hiện cụ thể, thường xuyên kiểm tra, thanh tra, tránh bệnh thành tích.

h) Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ, khoa học quản lý và khoa học giáo dục; nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

i) Triển khai thực hiện nghiêm túc Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bố trí hợp lý cho chi đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công. Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, nhất là hội họp, đi công tác nước ngoài.

Thực hiện nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường, đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của nhà nước đối với giá dịch vụ giáo dục theo lộ trình phù hợp.

j) Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 73/2012/NĐ-CP của Chính phủ về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo nhất là giáo dục mầm non và giáo dục đại học.

k) Đẩy mạnh tuyên truyền về đổi mới giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác thông tin, truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia, đánh giá và phản biện của xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; đa dạng hóa các hình thức thông tin, truyền thông; chủ động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và giám sát, kiểm tra và có chế tài thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

2. Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục trong toàn quốc

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các đơn vị liên quan rà soát, ban hành các chuẩn, quy chuẩn bảo đảm chất lượng các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Trên cơ sở những nguyên tắc, các chuẩn, quy chuẩn về đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các địa phương thực hiện rà soát, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương rà soát, hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học, các trường cao đẳng sư phạm gắn với quy hoạch tổng thể hệ thống giáo dục quốc dân nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương và xã hội. Ưu tiên quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên nhằm cân đối giữa đào tạo và nhu cầu sử dụng theo hướng giảm bớt số lượng, tập trung đầu mối để nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Rà soát, xây dựng các chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên, chuẩn/tiêu chuẩn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để làm căn cứ xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và tôn vinh đội ngũ theo chuẩn.

b) Chỉ đạo rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp theo chuẩn/tiêu chuẩn mới; xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp để nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới; rà soát tinh giản, bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc.

c) Tăng cường kiểm định chất lượng các cơ sở đào tạo giáo viên trong cả nước; đẩy mạnh giao quyền tự chủ cho các cơ sở đào tạo giáo viên; chỉ đạo các trường sư phạm đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo giáo viên để sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc đổi mới, xây dựng chương trình đào tạo và công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục.

d) Chỉ đạo rà soát những bất cập về chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục để đề xuất, kiến nghị sửa đổi cho phù hợp. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng và tôn vinh đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập.

đ) Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tăng cường thông tin truyền thông về những tấm gương nhà giáo tiêu biểu, các điển hình tiên tiến xuất sắc nhằm khơi dậy nhiệt huyết và ý thức, lương tâm, trách nhiệm tự hào về nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo.

4. Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục gắn với nâng cao hiệu quả phân luồng, hướng nghiệp ở giáo dục phổ thông

a) Đẩy mạnh việc triển khai xây dựng chương trình, sách giáo khoa mới đảm bảo chất lượng, ban hành chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và các chương trình môn học gắn với phát triển năng lực và phẩm chất người học; chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm

công dân; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; phát triển khả năng sáng tạo và tự học; tăng cường hoạt động xã hội, trải nghiệm và nghiên cứu khoa học; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

b) Tiếp tục đổi mới thi, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực của người học, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; kết hợp đánh giá người học ngay trong quá trình và kết quả từng giai đoạn giáo dục, đào tạo nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học ở các cấp học và trình độ đào tạo. Đổi mới thi trung học phổ thông quốc gia, tuyển sinh đại học theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thiết thực đảm bảo đánh giá đúng năng lực của người học khách quan, công bằng, tác động tích cực đến hoạt động dạy và học.

c) Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, gắn kết với chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, trong đó chú trọng phát triển kỹ năng nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh tiếp cận các kiến thức về nghề nghiệp một cách đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau. Tăng cường giao quyền chủ động cho các địa phương, cơ sở giáo dục trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hướng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn, gắn với tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trách nhiệm giải trình của địa phương, cơ sở giáo dục.

d) Tổ chức các hoạt động hướng nghiệp trong trường phổ thông theo hướng thực học, lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn, đảm bảo giáo dục cơ bản ở trung học cơ sở, phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và phân luồng đạt hiệu quả ở trung học phổ thông; thí điểm triển khai mô hình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh của địa phương.

Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư cho công tác hướng nghiệp, phân luồng; tăng cường tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị cho hoạt động định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng cường xã hội hóa hoạt động giáo dục hướng nghiệp và phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông cho học sinh; huy động các cấp, các ngành, cơ quan và lực lượng xã hội tham gia công tác hướng nghiệp, phân luồng.

đ) Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, nâng cao thể chất, tầm vóc cho học sinh, sinh viên; giảm thiểu tai nạn, thương tích

Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị khóa XII và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai hiệu quả Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020.

Triển khai chương trình phối hợp giai đoạn 2016-2020 với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhằm tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, các phong trào thi đua yêu nước, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội, gia đình tăng cường phối hợp, nâng cao trách nhiệm của cộng đồng và xã hội trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên.

Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; rà soát, ban hành tiêu chí đánh giá giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống đối với học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học, góp phần nâng cao thể lực và tầm vóc người Việt Nam. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng, góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học đến năm 2020.

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2016 tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em.

5. Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục đại học

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tự chủ đại học, hướng dẫn về cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập.

b) Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, nhân sự, tài chính và học thuật của các cơ sở giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và xã hội.

c) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học chủ động, tích cực tham gia kiểm định chất lượng, công khai trước xã hội các điều kiện đảm bảo chất lượng và kết quả kiểm định, cam kết chịu trách nhiệm về điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm và hòa nhập thị trường lao động của người học; chủ động phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng cơ chế tạo việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

d) Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở giáo dục đại học trong việc thực hiện quyền tự chủ; kiểm tra, giám sát chặt chẽ chất lượng đầu ra của các cơ sở giáo dục đại học và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật để đảm bảo thực hiện hiệu quả quyền tự chủ.

6. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo

a) Rà soát, đánh giá năng lực ngoại ngữ của giáo viên, giảng viên ngoại ngữ các cấp học và trình độ đào tạo; xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ 10 năm đối với giáo dục phổ thông, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ tăng cường đối với các cơ sở giáo dục đại học. Khuyến khích, hỗ trợ giáo viên, giảng viên tự bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngoại ngữ trong tình hình mới.

b) Hỗ trợ các trường sư phạm triển khai đào tạo giáo viên ngoại ngữ theo chương trình ngoại ngữ mới; chú trọng đào tạo giáo viên ngoại ngữ trình độ cao đẳng, đại học ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

c) Hoàn thiện chương trình, tài liệu, sách giáo khoa, hệ thống học liệu ngoại ngữ trực tiếp và trực tuyến đáp ứng mục tiêu đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ tăng cường, chuyên ngữ và song ngữ ở một số môn học của giáo dục phổ thông, một số môn học, ngành học của các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu của từng vùng và địa phương, phù hợp nhu cầu người học.

d) Triển khai đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên theo chuẩn đầu ra ngay trong quá trình học tập và kết quả từng giai đoạn giáo dục, đào tạo. Rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định về kiểm tra, đánh giá, cấp văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; thành lập các trung tâm khảo thí ngoại ngữ quốc gia.

đ) Tổng kết, nhân rộng những điển hình về đổi mới dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học phổ thông, mô hình học tập tiếng Anh cộng đồng trong các cơ sở giáo dục đại học, mô hình câu lạc bộ ngoại ngữ cộng đồng trong các cơ sở giáo dục thường xuyên; hình thành môi trường thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học ngoại ngữ, tạo điều kiện xã hội hóa việc dạy học ngoại ngữ, tạo động cơ học tập ngoại ngữ cho thế hệ trẻ Việt Nam.

e) Tiếp tục tăng cường hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế, các cơ sở giáo dục nước ngoài, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ. Đẩy mạnh thu hút đội ngũ giáo viên, giảng viên, tình nguyện viên nước ngoài tham gia vào quá trình dạy học ngoại ngữ.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, làm cơ sở để định hướng đầu tư và triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng, triển khai hiệu quả các đề án về ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin: Nâng cấp hạ tầng mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN) và kết nối truy cập Internet băng thông rộng,

tốc độ cao trong cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo với các đơn vị thuộc Bộ. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Bộ.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của toàn ngành (quy mô trường lớp học; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; học sinh, sinh viên; chỉ tiêu tuyển sinh, nhu cầu đào tạo nhân lực của các ngành...) với hệ thống máy chủ lưu trữ, quản lý dữ liệu theo mô hình điện toán đám mây phục vụ công tác quản lý; nâng cấp, duy trì, vận hành ổn định hệ thống họp, hội nghị, hội thảo trực tuyến giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các cơ sở giáo dục và đào tạo, các địa phương.

d) Hoàn thiện kho tài nguyên số, hệ thống bài giảng trực tuyến các cấp... phục vụ công tác dạy - học. Triển khai mạnh mẽ hình thức dạy và học trực tuyến, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên được trao đổi và học các môn học do các giáo viên, giảng viên có uy tín trong và ngoài nước giảng dạy; xây dựng kho bài giảng e-Learning trực tuyến đáp ứng nhu cầu tự học và học tập suốt đời của người học, thu hẹp khoảng cách về điều kiện tiếp cận các dịch vụ giáo dục và đào tạo có chất lượng của người học giữa các vùng, miền.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin toàn ngành theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

e) Nghiên cứu áp dụng linh hoạt, hiệu quả các hình thức đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin và tăng cường xã hội hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

8. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

a) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hội nhập quốc tế trong giáo dục, đào tạo; rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bằng chứng chỉ quốc gia trên cơ sở Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đảm bảo tính tương thích hệ thống phân loại của khu vực và quốc tế. Đàm phán, ký kết các hiệp định, thỏa thuận với nước ngoài về hợp tác giáo dục, công nhận văn bằng, tín chỉ tạo cơ sở pháp lý để các cơ sở giáo dục hợp tác với nước ngoài.

b) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí và phương pháp tiếp cận chung của khu vực và quốc tế trong quá trình xây dựng, cập nhật chương trình và triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học nhận chuyển giao chương trình tiên tiến của nước ngoài, sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy chuyên ngành.

c) Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế về bồi dưỡng giáo viên, phát triển chương trình giảng dạy và sách giáo khoa, về kiểm tra, đánh giá học sinh ở giáo dục phổ thông. Tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế về áp dụng các mô hình giáo dục, đào tạo của các nước có nền giáo dục tiên tiến. Tham gia đánh giá quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông.

d) Các cơ sở giáo dục đại học chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển các chương trình hợp tác trao đổi sinh viên với các trường đại học nước

ngoài, thực hiện hợp tác nghiên cứu, liên kết đào tạo, công nhận tín chỉ, đồng cấp bằng với các trường đại học có uy tín trên thế giới, quốc tế hóa các chương trình đào tạo trình độ đại học.

đ) Triển khai hiệu quả các nguồn học bổng ngắn hạn, dài hạn để gửi các giảng viên, cán bộ nghiên cứu, sinh viên đi đào tạo, thực tập, nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục tiên tiến của nước ngoài. Đồng thời, xây dựng chính sách động viên, thu hút đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài về nước tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học; xây dựng chính sách thu hút người nước ngoài đến học tập, làm việc và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục Việt Nam.

e) Phối hợp với các bộ, ngành đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thu hút, sử dụng có hiệu quả học sinh, sinh viên Việt Nam học tập ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp đóng góp xây dựng đất nước.

g) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Trong đó, tiếp tục thực hiện phân cấp, trao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động hợp tác quốc tế. Xây dựng mạng lưới hợp tác quốc tế ở các địa phương và cơ sở giáo dục nhằm chia sẻ, hỗ trợ nâng cao năng lực về hợp tác và hội nhập quốc tế cho các cơ sở. Xây dựng cơ sở dữ liệu và công thông tin điện tử về hợp tác quốc tế toàn ngành.

9. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học đổi mới mục tiêu, chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy từ cung cấp kiến thức sang hỗ trợ phát triển năng lực và phẩm chất, kỹ năng của người học; đổi mới cách tiếp cận xây dựng chương trình đào tạo đại học dựa trên kinh nghiệm của các Chương trình đào tạo tiên tiến (POHE, CDIO); đổi mới, cập nhật nội dung giáo trình, nhất là giáo trình các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học quản lý gắn với tiến trình cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để đào tạo lực lượng lao động chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

b) Tăng cường kiểm định chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế, trên cơ sở đó tiến hành phân tầng và công khai kết quả kiểm định để xã hội, người học đánh giá, xếp hạng, đặc biệt là công khai tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học; khuyến khích các trường thực hiện các chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động khu vực và quốc tế; quan tâm phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của vùng dân tộc thiểu số.

c) Triển khai Đề án hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và Khung trình độ quốc gia Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng các cơ chế, chính sách cần thiết để thực hiện Khung trình độ quốc gia. Trên cơ sở đó rà soát, điều chỉnh, xây dựng các chuẩn quốc gia đối với giáo dục đại học nhằm đảm bảo chất lượng; tạo ra sự thống nhất về chuẩn mực chung đối

với các ngành, nghề đào tạo; làm căn cứ để đánh giá khách quan hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học; làm cơ sở công nhận và xác định tương đương văn bằng của quốc gia và quốc tế về giáo dục đại học.

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm cho các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm; xây dựng thư viện điện tử với cơ sở dữ liệu dùng chung cho các khối ngành mũi nhọn như khoa học kỹ thuật, công nghệ, các ngành tự do dịch chuyển lao động trong khu vực và trên thế giới...; tiếp tục đầu tư phát triển các chương trình tiên tiến, chương trình Kỹ sư chất lượng cao và các chương trình chất lượng cao khác đã được thực hiện thành công ở Việt Nam; ưu tiên đầu tư cho một số ngành đào tạo tiếp cận trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới.

đ) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc đào tạo, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

e) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học, chú trọng phát triển đội ngũ cốt cán trong nghiên cứu khoa học, xây dựng và triển khai chương trình nghiên cứu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo xu thế quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học; thành lập các nhóm giảng dạy - nghiên cứu được đầu tư đồng bộ để kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, qua đó tăng số lượng và chất lượng các công trình công bố quốc tế.

g) Nâng mức suất đầu tư đào tạo trên mỗi sinh viên, học viên sau đại học bằng các nguồn khác nhau ở những ngành nghề đặc thù mà nhà nước đang cần để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa trên cơ sở kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017.

h) Đổi mới phương thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực đảm bảo chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm của các cơ sở giáo dục đại học.

10. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, quy định về chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học.

b) Trình Chính phủ ban hành và đề xuất tiếp tục triển khai các chương trình, đề án tổng thể để tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Có các biện pháp nâng cao hiệu suất khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

c) Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo hình thức đối tác công tư (PPP).

d) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành, chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục, đào tạo triển khai thực hiện hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục đại học; thực hiện chương trình chất lượng cao với mức thu học phí tương ứng trong các cấp học ở những nơi có điều kiện và nhu cầu.

đ) Phân bổ và điều chỉnh kịp thời các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án; hoàn thiện và đổi mới cơ chế, chính sách để huy động, thu hút các nguồn tài trợ, viện trợ, các dự án của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho giáo dục và đào tạo; tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả các nguồn đầu tư để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và từng bước hiện đại hóa.

g) Triển khai có hiệu quả Đề án củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2016-2025 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chỉ đạo các địa phương thực hiện có hiệu quả xây dựng nhà công vụ, nhà bán trú cho giáo viên, học sinh để phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, triển khai Kế hoạch hành động

Các cấp quản lý giáo dục từ Trung ương đến địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo tổ chức quán triệt các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Báo Giáo dục và Thời đại, các cơ quan báo chí chủ động giới thiệu nội dung và tổ chức thông tin, tuyên truyền các hoạt động thực hiện Kế hoạch hành động của ngành ở các địa phương, cơ sở giáo dục, đào tạo.

2. Các đơn vị thuộc Bộ, sở giáo dục và đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, các cơ sở đào tạo giáo viên nghiên cứu, quán triệt các nội dung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020, Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Kế hoạch hành động của ngành; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của từng địa phương, đơn vị, trong đó cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể; định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Văn phòng Bộ) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với những nhiệm vụ đã rõ ràng, đã có văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ cần thực hiện ngay không phải xây dựng đề án,


chương trình, kế hoạch để đảm bảo thực hiện kịp thời, hiệu quả những nội dung chương trình hành động của Chính phủ, của Bộ.

3. Kinh phí thực hiện triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục hằng năm, ngân sách từ chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan và từ nguồn xã hội hóa.

4. Chánh Văn phòng Bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, Thủ trưởng các đơn vị báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

BỘ TRƯỞNG



Phùng Xuân Nhạ

Phụ lục

CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA NGÀNH GIÁO DỤC
Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng,
Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020,

Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6181/QĐ-BGDĐ ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
1	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học	2017	Luật	Quốc hội	Vụ GDĐH
2	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục	2018	Luật	Quốc hội	Vụ PC
3	Dự án xây dựng Luật nhà giáo	2019	Luật	Quốc hội	Cục NGCB
4	Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường	2017	Nghị định	Chính phủ	Vụ CTSSV
5	Nghị định sửa đổi Nghị định số 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài về giáo dục	2017	Nghị định	Chính phủ	Vụ HTQT
6	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập	2017	Nghị định	Chính phủ	Vụ KHTC

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
7	Nghị định quy định điều kiện hoạt động đào tạo trên môi trường mạng	2019	Nghị định	Chính phủ	Cục CNTT
8	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học	2016	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục CNTT
9	Đề án đổi mới đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	2016	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục NGCB
10	Đề án thay thế Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục ĐTVNN
11	Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học và các trường, cao đẳng sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục NGCB
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	ĐÀN 2020
13	Đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ CTHSSV
14	Đề án quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở đào tạo giáo viên	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDDH

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
15	Đề án tự chủ giáo dục đại học	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH
16	Đề án quốc tế hóa giáo dục đại học	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH
17	Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH
18	Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐT/H
19	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sự dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ KHTC
20	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ TCCB
21	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2025	2018	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục CNTT
22	Thông tư quy định cơ sở dữ liệu toàn quốc về giáo dục và đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục CNTT

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
23	Thông tư ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống thông tin phổ cập giáo dục, chống mù chữ của ngành Giáo dục	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục CNTT
24	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT ngày 11/4/2014 ban hành Quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục ĐTVNN
25	Thông tư ban hành Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục KTKD
26	Thông tư quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục KTKD
27	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB
28	Thông tư quy định điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung, hình thức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB
29	Thông tư quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
30	Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB
31	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2013/TT-BGDĐT ngày 18/12/2013 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Thanh tra
32	Thông tư quy định về công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ CTHSSV
33	Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (thay thế Thông tư 10/2009/TT-BGDĐT và Thông tư 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012)	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH
34	Thông tư ban hành Danh mục cấp IV trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH
35	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH
36	Thông tư hướng dẫn Nghị định số 73/2015/NĐ-CP về tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
37	Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH
38	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm hệ chính quy	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDĐH
39	Thông tư quy định về tổ chức, hoạt động của hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa dùng cho giáo dục phổ thông	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDTrH
40	Thông tư quy định tiêu chuẩn chương trình giáo dục phổ thông và tổ chức, hoạt động của Ban xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông. Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDTrH
41	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT ngày 09/5/2012 ban hành quy định về quản lý chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ KHNCNMT
42	Thông tư thay thế Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT quy định về quản lý các dự án sản xuất thử nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ KHNCNMT
43	Thông tư sửa đổi Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ KHHC

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Hình thức văn bản	Thẩm quyền văn bản	Đơn vị chủ trì
44	Thông tư hướng dẫn xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ KHTC
45	Thông tư ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo đại học	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ KHTC
46	Thông tư ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo	2017	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ TCCB
47	Thông tư ban hành khung năng lực giảng viên các trường cao đẳng sư phạm	2018	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB
48	Thông tư ban hành khung năng lực giảng viên đại học theo định hướng nghiên cứu, ứng dụng và thực hành	2018	Thông tư	Bộ trưởng	Cục NGCB
49	Thông tư sửa đổi, bổ sung Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học	2018	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDTH
50	Thông tư sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông	2019	Thông tư	Bộ trưởng	Vụ GDTH

